

Số: 919/QĐ-BVUBĐN

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu thuốc Biệt dược gốc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm thuốc cho Nhà thuốc bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2024 thuộc dự toán mua sắm Mua sắm thuốc cho Nhà thuốc bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2024

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN UNG BƯỚU ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hoá dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ, và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc

tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 546/QĐ-BVUBĐN ngày 09/07/2024 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng về việc thành lập Bên mời thầu dự toán Mua sắm thuốc cho Nhà thuốc bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-BVUBĐN ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Mua sắm thuốc cho Nhà thuốc bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 750/QĐ-BVUBĐN ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng về việc thành lập Tổ chuyên gia các gói thầu thuốc dự toán Mua sắm thuốc cho Nhà thuốc bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 851/QĐ-BVUBĐN ngày 30/9/2024 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng về việc phê duyệt E-HSMT Gói thầu thuốc Biệt dược gốc thuộc dự toán mua sắm thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 874/QĐ-BVUBĐN ngày 4/10/2024 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng về việc sửa đổi nội dung E-HSMT Gói thầu thuốc Generic và Gói thầu thuốc Biệt dược gốc thuộc dự toán mua sắm thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2024;

Căn cứ Biên bản mở E-HSDT qua mạng ngày 10/10/2024 Gói thầu thuốc Biệt dược gốc thuộc dự toán mua sắm thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2024;

Căn cứ Báo cáo đánh giá số 01/BCĐG-TCG của Tổ chuyên gia ngày 25/10/2024 Gói thầu thuốc Biệt dược gốc thuộc dự toán mua sắm thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2024;



Xét đề nghị của Bên mời thầu tại Tờ trình số 08/TTr-BMT ngày 01/11/2024 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu thuốc Biệt dược gốc và Báo cáo thẩm định số 96/BC-TTĐKQLCNT ngày 11/11/2024 của Tổ thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu thuốc Biệt dược gốc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

1. Tên dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc cho Nhà thuốc bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2024.

2. Tên gói thầu: Gói thầu thuốc Biệt dược gốc.

3. Chủ đầu tư: Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng.

4. Tên nhà thầu trúng thầu, giá trúng thầu:

STT	Tên nhà thầu	Phần (lô) trúng thầu	Thành tiền trúng thầu (VND)
1	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	PP2400242584 PP2400242586	728.431.709
2	Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	PP2400242578 PP2400242579 PP2400242580 PP2400242585 PP2400242587	752.504.318
3	Công ty Cổ phần Dược Thiết bị y tế Đà Nẵng	PP2400242577 PP2400242581 PP2400242582 PP2400242583 PP2400242588 PP2400242589	478.559.565
TỔNG CỘNG: 03 NHÀ THẦU		13 phần (lô)	1.959.495.592

Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm chín mươi hai đồng.

(Chi tiết các mặt hàng trúng thầu theo phụ lục đính kèm)

5. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng trong nước, xét theo từng phần gói thầu.

6. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

7. Nguồn vốn: Từ nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, nguồn thu do cơ quan Bảo hiểm xã hội thanh toán và nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

8. Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

9. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Bên mời thầu căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bên mời thầu Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KD, BMT.



Nguyễn Thanh Hùng

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC CHI TIẾT CÁC MẶT HÀNG TRƯNG THẦU
Gói thầu thuốc Biệt dược dự toán Mua sắm thuốc cho Nhà thuốc bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 979/QĐ-BVUBĐN ngày 12/11/2024)

STT	Mã phần (Lô)	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1. Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức																728.431.709
1	PP2400242 584	Arimidex	Anastrozole	1mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	BDG	60 tháng	VN-19784-16	Cơ sở sản xuất: AstraZeneca Pharmaceuticals LP, Cơ sở đóng gói: AstraZeneca UK Limited	Nước sản xuất: Mỹ; Nước đóng gói: Anh	Viên	4.459	59.085	263.460.015
2	PP2400242 586	Nolvadex-D	Tamoxifen (dưới dạng tamoxifen citrat)	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	BDG	60 tháng	VN-19007-15	AstraZeneca UK Limited	Anh	Viên	81.818	5.683	464.971.694
2. Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2																752.504.318
3	PP2400242 578	Neuronin	Gabapentin	300mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	BDG	36 tháng	VN-16857-13	Pfizer Pharmaceuticals LLC; đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	CSSX: Mỹ; Đóng gói và xuất xưởng: Đức	Viên	6.100	11.316	69.027.600
4	PP2400242 579	Augmentin 1g	Amoxicillin (Dưới dạng Amoxicillin trihydrate), Acid Clavulanic (dưới dạng clavulanat potassium)	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên	BDG	24 tháng	VN-20517-17	SmithKline Beecham Pharmaceuticals	Anh	Viên	10.717	16.680	178.759.560
5	PP2400242 580	Augmentin 625mg tablets	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate), Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	500mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên	BDG	24 tháng	VN-20169-16	SmithKline Beecham Limited	Anh	Viên	3.907	11.936	46.633.952
6	PP2400242 585	Femara	Letrozole	2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	BDG	36 tháng	760114186923	Cơ sở sản xuất: Novartis Pharma Stein AG; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Novartis Farma S.p.A.	Cơ sở sản xuất: Thụy Sĩ; Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Ý	Viên	195	68.306	13.319.670

STT	Mã phần (Lô)	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDCLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
7	PP2400242 587	Nexium Mups	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesium trihydrat)	40mg	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	Hộp 2 vỉ x 7 viên	BDG	24 tháng	VN-19782-16	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	19.806	22.456	444.763.536

3. Công ty Cổ phần Dược Thiết bị y tế Đà Nẵng

8	PP2400242 577	Mobic	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	BDG	36 tháng	VN-16141-13 (Cố QĐ gia hạn số 573/QĐ-QLD ngày 23/09/2022)	Boehringer Ingelheim Ellas A.E	Hy Lạp	Viên	3.986	9.122	36.360.292
9	PP2400242 581	Gemzar	Gemcitabine (dưới dạng Gemcitabine hydrochloride)	1000mg	Tiêm truyền	Bột đông khô để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ x 2,21 gam	BDG	36 tháng	VN3-189-19 (Cố QĐ gia hạn số 489/QĐ-QLD ngày 14/07/2023)	CSSX và đông gói cấp 1: Vianex S.A-Plant C, CSDG cấp 2 và xuất xưởng: Lilly France	CSSX và đông gói cấp 1: Hy Lạp, CSDG cấp 2 và xuất xưởng: Pháp	Lọ	68	2.726.400	185.395.200
10	PP2400242 582	Gemzar	Gemcitabine (dưới dạng Gemcitabine hydrochloride)	200mg	Tiêm truyền	Bột đông khô để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ x 442,5mg	BDG	36 tháng	520114446123	CSSX và đông gói cấp 1: Vianex S.A-Plant C, CSDG cấp 2 và xuất xưởng: Lilly France	CSSX và đông gói cấp 1: Hy Lạp, CSDG cấp 2 và xuất xưởng: Pháp	Lọ	20	735.500	14.710.000
11	PP2400242 583	Zytiga	Abiraterone acetate	250mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 lọ x 120 viên	BDG	24 tháng	754114177823	CSSX: Partheon Inc., CSDG và xuất xưởng: Janssen-Cilag S.p.A	CSSX: Canada, CSDG và xuất xưởng: Ý	Viên	468	270.917	126.789.156
12	PP2400242 588	Medrol	Methylprednisolon	16mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	BDG	36 tháng	VN-22447-19	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	Viên	27.524	3.672	101.068.128
13	PP2400242 589	Medrol	Methylprednisolone	4mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	BDG	36 tháng	VN-21437-18 (Cố QĐ gia hạn số 777/QĐ-QLD ngày 19/10/2023)	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	Viên	14.483	983	14.236.789

TỔNG CỘNG: 13 KHOẢN

1.959.495.592

